

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52 /2007/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 18 tháng 12 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá các loại đất năm 2008  
trên địa bàn huyện Di Linh - tỉnh Lâm Đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2007/NQ-HĐND ngày 05/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 10 về khung giá tối đa, tối thiểu và mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (áp dụng từ ngày 01/01/2008).

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2221/TTr-STC-GCS ngày 14 tháng 12 năm 2007,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh, đề:

1.1. Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.2. Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

1.3. Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

1.4. Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

1.5. Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

1.6. Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

1.7. Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định tại Quyết định này.

3. Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Di Linh có trách nhiệm xây dựng phương án điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh gửi Sở Tài chính (chủ trì), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục Thuế thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong các trường hợp sau:

1. Khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất, loại đô thị, loại đường phố và vị trí đất làm cho giá đất tại đó biến động.

2. Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

### **Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2008 và thay thế Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh - tỉnh Lâm Đồng.

2. Các trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được giải quyết thì thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Di Linh; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-\*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Đức Hòa**

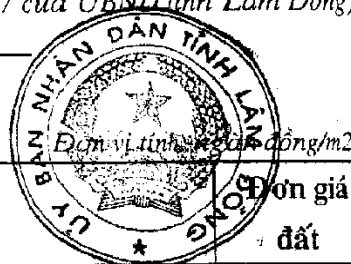
- Nếu bạn muốn gửi tài liệu in đi xa  
 - Hay bạn có tài liệu muốn chia sẻ với mọi người  
 - Không cần scan, chỉ cần Fax vào số (04) 275.45.11  
 Tài liệu sẽ được số hoá thành file (như file này) ngay sau  
 khi bạn Fax tài liệu xong và chúng tôi sẽ gửi lại file tài liệu  
 cho bạn.

# BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008

## TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 52 /2007/QĐ-UBND ngày 18/12/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

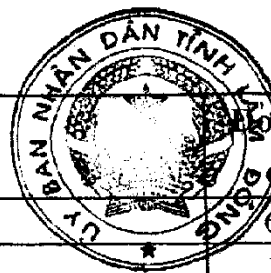
### A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ



IT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
<b>I</b>	<b>Đọc theo Quốc lộ 20 (theo hướng từ TP.HCM đi TP.Đà Lạt)</b>	
1	Đoạn giáp ranh xã Liên Đầm đến đường Nguyễn Văn Cừ	720
2	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đầu đường Nguyễn Văn Trỗi	1.080
3	Từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đầu đường QL 28	1.440
4	Từ đầu đường QL28 đến ngã 4 Nguyễn Du - Mọ Kọ	1.800
5	Từ ngã 4 Nguyễn Du - Mọ Kọ ngã 3 bệnh viện	1.440
6	Từ ngã 3 bệnh viện đến hết xướng cửa Quảng Lâm	1.080
7	Từ xướng cửa Quảng Lâm đến giáp ranh thôn Đồng Đò	720
<b>II</b>	<b>Quốc lộ 28 đi qua thị trấn Di Linh</b>	
*	Nhánh 1: Từ Bưu điện Di linh đến ngã 3 Cây Sơn (Lý Thường Kiệt)	
1	Từ đầu đường Lý Thường Kiệt đến ngã rẽ, đầu đường Phan Bội Châu	1.560
2	Từ đường Phan Bội Châu giáp Km 95, QL28	1.080
3	Từ mốc Km95, QL28 đến giáp đầu đường Lê Hồng Phong	960
4	Giáp đường Lê Hồng Phong đến đầu đường Ngô Quyền	720
*	Nhánh 2: Đường vào xã Gung Ré( Nguyễn Tri Phương)	
1	Từ ngã 3 Nguyễn Tri Phương đến hết nhà số 25 Nguyễn Tri Phương	1.200
2	Từ cạnh nhà số 25 Nguyễn Tri Phương đến hết nhà số 91 Lê Lợi	840
3	Từ cạnh nhà số 91 Lê Lợi đến giáp ranh giới xã Gung Ré	480
<b>III</b>	<b>Các đường nội thị thuộc Thị trấn Di Linh</b>	
1	Đường Nguyễn Văn Cừ	
-	Từ đầu đường đến hết ranh giới nhà số 67	360
-	Từ cạnh nhà số 67 đến hết đường	180
2	Đường Lê Lai	180
3	Đường Ngô Sỹ Liên	180
4	Đường Nguyễn Đình Quân	
-	Từ QL 20 đến nhà số 23	600
-	Đoạn còn lại đến hết đường	300
5	Đường Võ Thị Sáu	
-	Từ QL 20 đến giáp lô 2 cụm quy hoạch dân cư	600

9

TT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ lô 2 cụm quy hoạch đến hết cụm quy hoạch	300
-	Từ lô quy hoạch đến cuối	240
6	Đường Hà Huy Tập	
-	Từ đầu đường đến hết nhà số 24	720
-	Từ cạnh nhà số 24 đến hết nhà số 48	360
-	Đoạn còn lại đến cuối	180
7	Đường Đoàn Đức Ngọc	600
8	Đường Nguyễn Văn Trỗi	720
9	Đường Phạm Ngọc Thạch	600
10	Đường Phan Đình Giót	480
11	Đường Hai Bà Trưng	840
12	Đường Trần Hưng Đạo	840
13	Đường Nguyễn Huệ	600
14	Đường Ngô Gia Tự	
-	Từ lô 2 đến hết nhà số 6	600
-	Từ cạnh nhà số 8 đến hết đường	240
15	Đường Trần Quốc Toản	
-	Từ đầu đường đến ngã 3 giáp đường Hoàng Văn Thụ	1.200
-	Từ ngã 3 đến hết ranh giới nhà số 76 Trần Quốc Toản	600
-	Từ cạnh nhà số 76 đến hết đường	240
16	Đường Hoàng Văn Thụ	
-	Từ đầu đường đến hết nhà trẻ Tuổi Ngọc	1.200
-	Từ nhà trẻ Tuổi Ngọc đến giáp ngã 3 đường TQT	840
17	Đường Hoàng Diệu	
-	Từ đầu đường đến giáp đường Lê Văn Tám	480
18	Đường Lê Văn Tám	
-	Từ đầu đường đến hết nhà số 26	480
-	Từ nhà số 28 đến hết đường	180
19	Đường Nguyễn Du	
-	Từ đầu đường đến giáp cống nước số 1	840
-	Từ cống số 1 đến giáp đầu đường Tôn Thất Tùng	600
-	Từ đầu đường Tôn Thất Tùng đến hết đường	240
20	Đường Mọ Kọ	
-	Từ đầu đường đến ngã 3 đến giáp đường K'Den	840
-	Từ ngã 3 đến cuối đường	480
21	Đường Đoàn Thị Điểm	



TT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ đầu đường đến nhà số 6	600
-	Từ nhà số 8 đến cuối đường	180
32	Đường Đào Duy Từ	
-	Từ đầu đường đến hết nhà số 34	720
-	Từ cạnh nhà số 34 đến giáp đường Chu Văn An	360
33	Đường Chu Văn An	360
34	Đường Bế Văn Đàn	600
35	Đường Phạm Ngũ Lão	
-	Từ đầu đường đến hết đường	720
36	Đường Bùi Thị Xuân	720
37	Đường Tôn Thất Tùng	300
38	Đường Nguyễn Cư Trinh	180
39	Đường Nguyễn Đình Chiểu	180
30	Đường Trần Phú	
-	Từ bệnh viện đến giáp đường Lương Thế Vinh	840
-	Từ đường Lương Thế Vinh đến giáp đường Nguyễn Viết Xuân	600
-	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến hội trường khu 6	420
-	Từ hội trường khu 6 đến ngã 3 Nguyễn Trung Trực	300
31	Đường Nguyễn Trung Trực	
-	Từ ngã 3 đến giáp ranh xã Tân Châu	240
-	Từ ngã 3 đến trạm tăng áp 500kv	360
32	Đường Ngô Thị Nhậm	
-	Từ hội trường khu 6 đến cuối đường	180
33	Đường Cao Bá Quát	360
34	Đường Nguyễn Viết Xuân	360
35	Đường Lương Thế Vinh	600
-	Giáp đường Lương Thế Vinh đến hết ranh giới nhà số 59	480
36	Đường Mạc Đĩnh Chi	300
37	Đường Nguyễn Thiếp	300
38	Đường Võ Văn Tần	360
39	Đường Phan Bội Châu	
-	Từ đầu đường đến hết ranh giới nhà số 4	840
-	Từ cạnh nhà số 4 đến hết nhà số 14	600
-	Từ cạnh nhà số 14 đến cuối đường	240
40	Đường Lê Quý Đôn	
-	Từ đầu đường đến hết nhà số 26	600


TT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ cạnh nhà số 26 đến cuối đường	240
41	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	360
42	Đường Hoàng Hoa Thám	360
43	Đường Phan Huy Chú	360
44	Đường Tôn Thất Thuyết	360
45	Đường Hồ Tùng Mậu	240
46	Đường Lê Hồng Phong	240
47	Đường Ngô Quyền	360
48	Đường Huỳnh Thúc Kháng	180
49	Đường Lê Thị Hồng Gấm	480
50	Đường Lý Tự Trọng	480
51	Đường Nguyễn Thái Học	
-	Đường 2 bên : bên trái và bên phải chợ Di Linh	1440
-	Đường phía sau chợ Di Linh	1200
52	Các khu vực còn lại	180

## B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

**B.1. Đất ở tại nông thôn khu vực 1:** Đất ở ven đô thị, các đầu mối giao thông và các trục giao thông chính

* KÃ LIÊN ĐÀM		
1	Từ đường Ngô Quyền đến giáp thị trấn Di Linh	480
2	Từ đường Ngô Quyền đến giáp cầu Liên Đầm	480
3	Từ cầu Liên Đầm đến giáp ngã 3 cống đỏ	720
4	Từ ngã 3 vào cống đỏ đến giáp xã Đình Trang Hòa	240
	<b>Đường vào thôn, xã</b>	
1	Đường Ngô Quyền (Từ QL 20 vào cầu trắng)	360
2	Đường vào thôn 6, thôn 7	
-	Từ ngã 3 cống đỏ QL 20 đến chợ chè	240
-	Đoạn còn lại đến hết thôn 6	120
3	Đường đi Tân Châu - Tân Thượng (đoạn mới mở)	120
4	Đường thôn 1	180
5	Đường thôn 2	180
6	Đường vào thôn 3 đoạn còn lại	120
7	Đường nhánh thôn 3 khu vực trường Đoàn Kết	180
8	Đường thôn 5	180

*[Handwritten signature]*



ST	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
9	Đường vào Tiên Cô từ QL 20 đến cầu gỗ	180
10	Đường nhánh thôn 8 từ đất nhà ông Thơ đến hết đất nhà ông A	300
11	Đường vào thôn 9	180
12	Các đoạn đường còn lại	60
<b>XÃ HÒA TRUNG</b>		
1	Từ ranh giới xã đến ngã 3 vào thôn 2	180
2	Từ ngã 3 vào thôn 2 đến UBND xã Hòa Trung	144
3	Từ UBND xã Hòa Trung đến ranh giới xã Hòa Bắc	120
4	Từ UBND xã Hòa Trung đến đầu cầu 2 Hòa Ninh	144
5	Các đoạn còn lại	60
<b>XÃ HÒA BẮC</b>		
<b>I Đường vào thôn, xã</b>		
1	Từ giáp xã Hòa Trung đến hết cầu La òn	120
2	Từ cạnh cầu La òn đến hết trường TH Hòa Bắc	300
3	Cạnh trường TH Hòa Bắc đến ngã 3 thôn 7, thôn 8	240
4	Từ ngã 3 đi thôn 7, thôn 8 đến hết trụ sở Ban QL rừng Hòa Bắc - Hòa Nam	120
5	Đoạn còn lại đến ngã 3 vào đập	60
<b>II Đường đi xã Hòa Ninh</b>		
1	Từ ngã 3 La òn đến hết trạm xá xã	180
2	Từ cạnh trạm xá xã đến ngã 3 đi thôn 2	180
3	Từ ngã 3 đi thôn 2 đến giáp xã Hòa Ninh	180
4	Từ ngã 3 thôn 2 đến hết đường đi thôn 18	60
<b>XÃ TÂN THƯỢNG</b>		
1	Giáp xã Tân Châu đến đầu dốc hùn 2 (gần UBND xã Tân Thượng)	240
2	Từ đầu dốc cuối thôn 2 đến cuối thôn 3 (khúc cua)	540
3	Từ giữa dốc cuối thôn 3 đến cột điện thứ 4 (đếm từ trường học thôn 6 đi ra)	240
4	Từ cột điện thứ 4 đến trường học thôn 6 qua ngã 3 Bảo Lâm 100m	540
5	Đoạn còn lại giáp xã Đình Trang Thượng	144
6	Đường vào thôn 8, thôn 9 từ QL 28 đến ngã 3 Rosén (đường đi B'Nát)	120
7	Đường vào sở XuNhê cũ (từ QL28 vào 100m)	180
8	Đường đi thôn 11:	
-	Từ QL 28 đến ngã 3 thôn 3 đi thôn 11	240
-	Từ ngã 3 thôn 3 đi thôn 11 vào Thủy điện Đồng Nai II 500m	180



T.T	Khu vực, Đường, Đoạn Đường	Đơn giá đất
-	Các đoạn còn lại	60
<b>* XÃ GIA HIỆP</b>		
I	<b>Đất dọc trục giao thông chính -QLô 20</b>	
	Từ km167 giáp xã Đình Lạc đến km168	300
2	Từ km168 đến km169	360
3	Từ km169 đến hết UBND xã Gia Hiệp	480
4	Từ UBND xã Gia Hiệp đến km171 (trường TH Phú Hiệp)	420
5	Từ km171 đến đầu đèo Phú Hiệp	300
6	Từ đầu đèo Phú Hiệp đến giáp xã Tam Bồ	180
II	<b>Đường vào thôn</b>	
1	Từ QL20 vào thôn 8	84
2	Từ QL20 vào thôn 5a,5b Gia lành	84
3	Từ QL20 vào thôn 1	
-	Từ QL20 vào giáp đất huyện đội	120
-	Từ giáp đất huyện đội đến suối 20	84
4	Từ QL20 vào thôn 7	
-	Từ QL20 vào ngã 3 B'Sut	120
-	Từ ngã 3 B'Sut đến suối và khu dân cư B'Sut	60
5	Từ QL20 vào thôn 2 liên thôn Gia Lành	
-	Từ đất nhà ông Hà đến hết đất nhà ông Tư	180
-	Các đoạn còn lại	84
6	Từ QL20 vào thôn 2	
-	Từ đất nhà ông Tiến đến giáp đường ngang	180
-	Các đoạn còn lại	120
7	Từ QL 20 vào thôn Phú Hiệp 3	
-	Từ QL 20 nhà ông Công đến giáp đường ngang	144
-	Từ QL 20 nhà ông Thái đến giáp đường ngang	144
-	Từ QL20 chợ Phú Hiệp đến giáp đường ngang	144
-	Đường ngang thôn Phú Hiệp 3	84
-	Các nhánh rẽ của đường ngang thôn Phú Hiệp 3	60
8	Từ QL20 (Nhà ông Đơn bán VLXD đến hồ 1)	
-	Từ QL20 nhà ông Sơn đến hồ 1	180
-	Các nhánh rẽ ngang từ đường nhà ông Sơn vào	120
9	Đường vào thôn Phú Hiệp 2, từ đầu nhà ông Tắc vào giáp đường ngang nhà ông Trạc và các nhánh rẽ.	120

ST	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đen giá đất
0	Từ QL20 nhà ông Bảo đến nhà ông Bao và các nhánh rẽ	120
1	Từ QL20 nhà bà Chí vào khu Phú Xuân	
-	Từ nhà bà Chí đến ngã 3 sân bóng Phú Xuân	144
-	Đoạn còn lại	120
2	Từ QL20 từ nhà bà Nhận vào thôn 3	
-	Từ nhà bà Nhận đến hội trường thôn 3	144
-	Đoạn còn lại	84
3	Các nhánh đường còn lại	60
<b>XÃ GIA BẮC</b>		
1	Ven QL28: 2km từ thôn NaoSẻ đến thôn KaSá đến thôn Đạ Hồng	72
2	Thôn Bộ Bê (trung tâm xã)	48
3	Thôn Hà Giang	36
4	Từ thôn Hà Giang đến thôn Đạ Hồng	36
<b>* XÃ SƠN ĐIỀN</b>		
	Từ quốc lộ 28 vào( km70)	
1	Đầu thôn Langbang đến cuối thôn Hà Giang	48
2	Thôn KaLiêng	36
3	Thôn Đăng Gia và thôn Bó Cao	48
4	Thôn KonSỏh	36
5	Thôn B'Nôm	36
<b>* XÃ TAM BỐ</b>		
<b>I Đất dọc trục giao thông chính -QLô 20</b>		
1	Từ đỉnh đèo giáp xã Gia Hiệp đến hết ngã 3 đất đỏ (Nhà ông Nguyễn)	180
2	Từ nhà ông Nguyễn đến hết nhà ông Bảy lùn (Chùa Quan Âm)	360
3	Từ chùa Quan Âm đến hết cầu Đạ Le (giáp ranh giới huyện Đức Trọng)	180
<b>II Đường vào thôn</b>		
1	Từ ngã 3 chùa Chưởng Phước vào thôn 4, thôn 5	
-	Từ ngã 3 vào đến hết nhà ông Nguyễn Ngọc Tân	180
-	Từ nhà ông Tân đến ngã 5 thôn 4, thôn 5	84
2	Từ ngã 3 nhà thờ Tam Bố vào thôn 4, thôn 5	
-	Từ ngã 3 nhà thờ đến ngã 3 nhà ông Điệp	240
-	Từ trạm kiểm lâm đến ngã 5 thôn 4, thôn 5	180
3	Từ ngã 5 thôn 4 đến ngã 3 suối đá	60
4	Từ QL20 vào cầu Hiền Nhân	

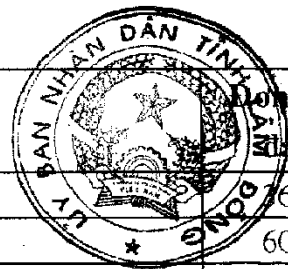
TT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ QL20 đến ngã 3 nghĩa địa (nhà ông Thanh)	120
-	Từ ngã 3 nghĩa địa đến cầu Hiền Nhân	84
5	Đoạn còn lại	60
<b>II XÃ ĐÌNH LẠC</b>		
<b>I Đất dọc trục giao thông chính - QLô 20</b>		
1	Từ cây xăng vật tư đến hết trường TH Đình Lạc (đường vào thôn Đồng Lạc 3)	600
2	Từ trường TH Đình Lạc đến đường vào sở Bảo Nam	480
3	Từ đường vào sở Bảo Nam đến giáp ranh xã Gia Hiệp	360
<b>III Đường vào thôn</b>		
1	Từ QL20 vào thôn Tân Lạc	
-	Từ QL20 vào thôn Tân Lạc đến ngã rẽ nhà ông Hoài	240
-	Từ nhà ông Hoài đến ngã 3 nhà bà Tường	180
-	Từ nhà bà Tường đến hết đường thôn Tân Lạc	120
-	Các nhánh đường còn lại của thôn Tân Lạc	84
2	Từ QL20 đi vào đối 1001	
-	Từ QL20 vào đến ngã 3	180
-	Các nhánh đường còn lại	120
3	Từ QL20 vào thôn Duệ	
-	Từ QL20 vào đến hết trường cấp II Đình Lạc	240
-	Từ trường cấp II Đình Lạc đến hết đường vào thôn Duệ	120
-	Từ QL20 vào đến hết sân bóng (cạnh nhà máy thiếc)	144
-	Cách QL20 500m	120
-	Đoạn còn lại	84
4	Từ QL20 vào thôn K'Quynh cạnh cây xăng bà Nguyệt	84
5	Từ QL20 vào đến nhà ông Dư bà Nhung	
-	Cách QL20 500m	144
-	Đoạn còn lại	84
6	Từ QL20 cạnh hội trường vào thôn Đồng Lạc 3	
-	Cách QL20 500m	144
-	Đoạn còn lại	84
7	Từ QL20 cạnh nhà thờ Tân Phú đường vào suối (Tân Phú 1)	84
8	Từ QL20 vào nghĩa địa Tân Phú	84
9	Từ QL20 vào đường đến sở Bảo Nam	
-	Cách QL20 500m (phân lại đoạn đường)	92,4



T	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Đoạn còn lại	84
0	Từ QL20 từ nhà ông Xuyên đến dốc Minh Ngũ	120
1	Từ QL20 từ nhà ông Cường đến đầu dốc Minh Ngũ	120
-	Đoạn còn lại từ dốc Minh Ngũ vào	60
2	Từ QL20 vào giáp xã Bảo Thuận	
-	Từ QL29 vào đến hết sân bóng K'Quynh	240
-	Đoạn còn lại đến giáp ranh xã Bảo Thuận	120
3	Đoạn còn lại	60
	<b>XÃ HÒA NINH</b>	
I	<b>Độc QL20</b>	
1	Giáp xã Đinh Trang Hòa đến trường cấp III Lê Hồng Phong	480
2	Từ trường cấp III Lê Hồng Phong đến đầu lô chợ	540
3	Từ cạnh lô quy hoạch chợ đến hết cây xăng Hòa Ninh	720
4	Từ cây xăng Hòa Ninh đến cổng sinh giáp Bảo Lâm	420
II	<b>Đường vào xã, thôn</b>	
1	Từ QL20 vào đến cổng thoát nước số 2	600
2	Từ cổng thoát nước số 2 đến hết trạm y tế xã	360
3	Từ trạm y tế đến cầu 1	300
4	Từ cầu 1 đến giáp nghĩa địa cầu 2	300
5	Từ nghĩa địa cầu 2 đến giáp xã Hòa Nam	240
6	Từ ngã 3 đi Hòa Bắc đến giáp xã Hòa Bắc	240
7	Từ ngã 3 đường đi xã Hòa Trung đến trường MG thôn 13	240
8	Các đoạn còn lại đến giáp xã Hoà Trung	180
9	Đường đi thôn 10 đến giáp xã Đinh Trang Hoà	60
	<b>XÃ ĐÌNH TRANG THƯỢNG</b>	
	<b>Đất khu dân cư dọc quốc lộ 28</b>	
1	Giáp ranh xã Tân Thượng đến đường vào trường học thôn 2	120
2	Từ đường vào trường học, 135(thôn 2) đến giáp ngã 4 đường liên thôn	144
3	Từ ngã 4 đường liên thôn 1, thôn 3 đến hết đài tưởng niệm xã	120
4	Từ cạnh đài tưởng niệm xã đến hết thôn 5	96
5	Đoạn còn lại	66
	<b>* XÃ TÂN NGHĨA</b>	
I	<b>Đất dọc trục giao thông chính - QL 20</b>	
1	Từ giáp thị trấn Di Linh đến giáp xã Đinh Lạc	600
II	<b>Đường vào xã, thôn</b>	

9

TT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
1	Từ ngã 3 Tân Nghĩa (Cty Petec) đến giáp đường rẽ mới và đường rẽ mới ra QL20	420
2	Từ đường rẽ mới đến đường vào thôn K'Brá cũ	240
3	Từ đường rẽ vào thôn K'Brá cũ đến hết trung tâm xã (hết cây xăng ông Thuấn, CH VLXD Phương Chát)	360
4	Từ CH VLXD Phương Chát đến cầu Be và đến hết cầu ciment	240
5	Từ cầu Ciment đến hết đường nhựa mới	180
7	Các nhánh rẽ :	
-	Từ cây xăng ông Thuấn đến hết cổng chào thôn Lộc Châu 2	144
-	Từ đất nhà ông Chiến đến đường rẽ lên cổng chào thôn Lộc Châu 2	120
-	Từ đất nhà ông Hưng đến hết đất nhà ông Hiến thôn Lộc Châu 1	120
9	Các đoạn còn lại	84
<b>* XÃ GUNG RÉ</b>		
<b>I</b>	<b>Đất dọc trục giao thông chính -QLô 20</b>	
1	Đường Mọ Kọ(nhà ông Trạng) đến đường K'Den	840
2	Từ đường K'Den đến hết trường học K'Ming	480
3	Đoạn còn lại của đường K'Ming	180
4	Đầu đường K'Den đến giáp đường Hoàng Văn Thụ	480
5	Đường sau sân bóng	480
6	Đường Hoàng Văn Thụ giáp ranh khu 4 thị trấn Di Linh	840
7	Từ ngã 3 Trần Quốc Toàn đến hết đường nhựa	600
8	Đoạn còn lại của đường Trần Quốc Toàn	240
9	Giáp ranh TT (đường Lê Lợi) đến giáp ngã 3 Trại phong	360
10	Từ ngã 3 trại phong đến hết cổng trại phong	300
11	Từ cổng Trại phong đến hết mỏ đá	90
12	Từ cạnh mỏ đá đến cầu bê tông giáp ranh xã Bảo Thuận	120
<b>II</b>	<b>Dọc QL28</b>	
1	Từ ngã 3 vào trại phong đến hết cầu I	480
2	Từ cạnh cầu I đến hết cổng đội chè Đăng Rách	360
3	Từ cạnh cổng đội chè Đăng Rách đến hết cầu II	600
4	Từ cạnh cầu II đến hết cầu III	360
5	Từ cạnh cầu III đến hết nghĩa địa Hàng Hải	240
6	Từ cạnh nghĩa địa Hàng Hải đến hết cụm dân cư (cầu 4)	120
7	Đoạn còn lại	66
<b>XÃ HÒA NAM</b>		



TT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá Đất
1	Từ cầu 3 đến ngã 3 đi thôn 8	60
2	Từ ngã 3 đi thôn 8 đến ngã 4 đi thôn 5, thôn 3	600
3	Từ ngã 4 đi thôn 3, thôn 5 đến trường TH Hoà Nam 1	360
4	Từ trường học đến ngã 3 đi thôn 12	180
5	Đoạn còn lại đến hết thôn 13	120
6	Từ ngã 4 đi thôn 5, thôn 3 đến ngã 3 đi thôn 4	240
7	Từ ngã 3 đi thôn 4 đến trường TH Hòa Nam 2	120
8	Từ ngã 3 đi thôn 8 đến cầu thôn 8	360
9	Từ cầu thôn 8 đến hết thôn 8	180
10	Từ UBND xã đến trường TH Hoà Nam 2	180
11	Các đoạn còn lại	60
<b>* XÃ TÂN CHÂU</b>		
	<b>Đất dọc QL28</b>	
1	Từ đầu đường Ngô Quyền đến ngã 3 cổng đỏ	600
2	Đoạn còn lại đến dốc núi chẻ	300
3	Đường vào thôn 7	
-	Từ đầu đường QL28 đến ngã rẽ thôn 4	300
-	Từ ngã rẽ thôn 4 đến hết cầu thôn 7	180
-	Từ cầu thôn 7 đến hết cầu Thanh niên xung phong	120
4	Đường thôn 4	
-	Từ ngã rẽ thôn 4 đến hết đường nhựa	180
-	Đoạn còn lại của thôn 4	96
5	Đường liên thôn 8, thôn 3	
-	Từ QL28 đến ngã 3 nghĩa địa	180
-	Từ ngã 3 nghĩa địa đến hết thôn 3	96
6	Đường đi thôn 1	
-	Từ QL28 đến hết trường học	180
-	Đoạn còn lại của thôn 1	96
7	Từ ngã 3 cổng đỏ đến giáp ranh ngã 3 đi xã Liên Đầm	180
8	Từ cuối chân đập 1019 đến ranh giới giữa thị trấn Di Linh và xã Tân Châu	180
9	Đường Tân Châu đi Tân Thượng (đường mới làm)	120
<b>* XÃ ĐỊNH TRẠNG HÒA</b>		
I	<b>Đất dọc QL20</b>	

TT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Đoạn giáp xã Liên Đầm đến cách ngã 3 Đình Trang Hòa 100m ( hướng từ Đà Lạt đi Tp.HCM)	240
2	Từ ngã 3 Đình Trang Hòa 100m đến hết cầu Đình Trang Hòa	600
3	Từ cầu Đình Trang Hòa đến giáp xã Hòa Ninh	480
<b>II</b>	<b>Đường vào thôn, xã</b>	
1	Đường vào xã Hòa Trung	
-	Từ ngã 3 xã Đình Trang Hòa đến hết bưu điện Đình Trang Hòa	600
-	Từ giáp bưu điện Đình Trang Hòa đến giáp cầu sắt số 1	420
-	Từ cầu sắt số 1 đến giáp xã Hòa Trung	240
2	Đường vào nông trường Đình Trang Hòa	
-	Từ QL20 đến hết đất tru sở Nông trường cà phê Đình Trang Hòa	300
-	Đoạn còn lại đến giáp xã Lộc An	120
3	Từ trường Lê Văn Tám đi các hướng thôn 9, thôn 13, thôn 15 (cách 200m)	120
4	Cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 9, giáp khu quy hoạch xã mới	84
5	Cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 15 đến ngã rẽ vào thôn 10 xã Tân Thượng	84
6	Từ ngã 3 Bunsnao đến giáp xã Lộc An, Lộc Đức -Bảo Lâm	60
7	Cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 13	60
8	Ngã 3 Cây Diệp vào thôn 7 Đình Trang Hòa	120
9	Đường đi thôn 3 :	
-	Từ QL20 vào đến ngã 3 đầu tiên, đất nhà ông K'Tim	180
-	Các đoạn còn lại	120
10	Từ ngã 3 cây diệp vào thôn 5B đến hết trường THCS Đình Trang Hoà	240
11	Từ QL20 vào thôn 3 giáp cầu Đa Nổ	120
	<b>XÃ BẢO THUẬN</b>	
	<b>Đất dọc trục giao thông chính</b>	
1	Từ cầu bê tông đến UBND xã Bảo Thuận (mương thủy lợi)	180
2	Từ mương thủy lợi đến hết ranh giới thôn KaLa 1 (N'Krot)	120
3	Từ đầu thôn N'Krot đến giáp ranh xã Đình Lạc	96
4	Từ ngã 3 bưu điện xã đến cầu sắt DaR'iam (5 thôn phía nam của xã)	144
5	Từ cầu sắt DaR'iam đến nghĩa địa Nam Thuận	96
6	Từ thôn KaLa 2 đến thôn N'Krot	60
7	Đoạn còn lại	36

B.2. Đất ở tại nông thôn khu vực 2 : Đất ven các trục lộ giao thông liên thôn tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ, khu du lịch (đất sản xuất nông thôn thuộc bảng giá tại điểm B.1 nêu trên): 42.000đồng/m<sup>2</sup>

B.3. Đất ở tại nông thôn khu vực 3: là đất thuộc các khu vực công nghiệp, 0.000đồng/m<sup>2</sup>



### **C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:**

C.1- Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm: đất cho các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà bảo tồn, nhà thờ họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật, bằng giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí và cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại Mục A và B trên đây.

C.2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất được quy định tại Mục A và B trên đây.

C.3. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại Khoản 1- Điều 6 - Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, bằng 85% giá đất quy định tại mục C.2 trên đây.

C.4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: bằng 50% mức giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất quy định tại điểm C.2 trên đây.

### **D. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:**

Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:

- Khu vực 1: Đất thuộc địa bàn Thị trấn Di Linh, Liên Đầm, Đình Lạc, Hoà Ninh và Tân Châu.



- Khu vực 2: Đất thuộc địa bàn các xã Gia Hiệp, Tân Nghĩa, Tân Thượng, Hoà Trung, Hoà Nam, Hoà Bắc, Gung Ré và Đình Trang Hoà.

- Khu vực 3: Đất thuộc địa bàn các xã Gia Bắc, Sơn Điền, Đình Trang Thượng và Tam Bố.

- Vị trí 1: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến rìa giới của Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và liên xã trong phạm vi đến 500m.

- Vị trí 2: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến rìa giới của Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1.000m.

- Vị trí 3: Các vị trí còn lại

### **I. Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thuỷ sản:**

*Đơn vị tính: ngàn đồng/m<sup>2</sup>*

TT	Khu vực	Đơn giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	24,0	19,0	12,0
2	Khu vực 2	19,0	16,0	10,0
3	Khu vực 3	12,0	10,0	6,0

### **II. Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm:**

*Đơn vị tính: ngàn đồng/m<sup>2</sup>*

TT	Khu vực	Đơn giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	30	24	15
2	Khu vực 2	24	19	12
3	Khu vực 3	16	12	8

**III. Giá đất trong các trường hợp sau đây được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:**

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

**IV. Giá đất trong các trường hợp sau đây được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:**

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

#### **V. Đất rừng sản xuất:**

*Đơn vị tính: ngàn đồng/m<sup>2</sup>*

TT	Vị trí	Đơn giá đất
1	Vị trí 1: Là đất có mặt tiền tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ.	12
2	Vị trí 2: Là đất mặt tiền đường có xe 4 bánh vào được.	10
3	Vị trí 3: Là đất thuộc các vị trí còn lại	6

#### **VI. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:**

1. **Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:** tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí.

2. **Đất rừng cảnh quan:** tính bằng 110% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí.